

Bản án số: 97/2022/HS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn

Bà Thân Thị Tuyết Nhung

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Mỹ hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà:*** Bà Chu Ngọc L - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST- HS ngày 13/6/2022 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1978. Tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn Hưng, sinh năm 1954 và con bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1956; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Là, sinh năm 1981 (đã ly hôn) Con có 01 con sinh năm 2003.

- Tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2015/HSST ngày 24/12/2015 của TAND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2016/HSST ngày 25/5/2016 của TAND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 19 ngày 24/12/2015 của TAND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, buộc H chấp hành hình phạt của hai bản án là 36 tháng tù; đã chấp hành án xong án phạt tù ngày 19/5/2018.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HSST ngày 12/4/2019 của TAND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong án phạt tù ngày 11/7/2020.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 13/HSST ngày 26/02/2003 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”; (số tiền đánh bạc là 2.350.000 đồng);

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2006/HSST ngày 13/01/2006 của TAND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2006/HSST ngày 09/03/2006 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tổng hợp hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2006/HSST ngày 13/01/2006 của TAND huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc buộc H chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 24 tháng tù.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 283 ngày 28/12/2009 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B - Có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Văn L, sinh năm 1985. Tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Số nhà 42, chợ Hòa Yên, tổ 5, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn Bảo, sinh năm 1961 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Tú, sinh năm 1962 (đã chết). Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con chưa có

- Tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2012/HSST ngày 21/6/2012 của TAND thành phố B xử phạt 02 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/7/2014.

+ Bản án hình sự phúc thẩm số 141/2015/HSPT ngày 18/8/2015 của TAND tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” .

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2018/HSST ngày 26/11/2018 của TAND thành phố B xử phạt 02 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Ngày 10/6/2005 bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh B, thời hạn 12 tháng.

+ Ngày 19/5/2009 bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh B, thời hạn 12 tháng.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B - Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn Tường, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Mai Cao, xã Song Mai, thành phố B, tỉnh B

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1, Anh Nguyễn Văn Tân, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Mai Cao, xã Song Mai, thành phố B, tỉnh B

2, Anh Triệu Đình Mạnh, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 106, nhà B1, tổ 7B, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B, tỉnh B.

3, Anh Đỗ Văn Minh, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Vĩnh An, xã Song Mai, thành phố B, tỉnh B

4, Anh Đỗ Văn Phúc, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Vĩnh An, xã Song Mai, thành phố B, tỉnh B

5, Anh Nguyễn Đình Nhu, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 42, chợ Hòa Yên, tổ 5, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B

**Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Mai Cao, xã Song Mai, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 ở thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 ở số nhà 42, chợ Hòa Yên, tổ 5, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B quen biết nhau do đã có thời gian cùng đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Buổi tối ngày 14/3/2022, H thuê xe taxi đi từ nhà đến nhà L chơi và ngủ tại đó.

Khoảng 14 giờ ngày 15/3/2022, H rủ L đi quanh các khu phố trên địa bàn thành phố B để trộm cắp tài sản thì L đồng ý. H đem theo 02 chiếc vạm phá khóa xe máy hình chữ T. Khoảng 16 giờ cùng ngày, H và L đi bộ trên đường thôn Mai Cao, xã Song Mai, thành phố B thì thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 98B2-844.04 dựng ở đường tại vị trí sát tường bao của gia đình ông Nguyễn Văn Chắt. Chiếc xe mô tô trên là của anh Nguyễn Văn Tường, sinh năm 1973 trú tại thôn Mai Cao, xã Song Mai, thành phố B để tại đó. Quan sát xung quanh không có ai trông giữ, H và L tiến lại gần chiếc xe. H dùng vạm phá khóa mở được ổ khóa điện xe máy. H ngồi lên xe đề nổ máy rồi điều khiển xe chở L đi về. Trên đường đi, H hỏi L địa điểm bán xe thì L chỉ dẫn đường để đi đến phòng trọ của Triệu Đình Mạnh, sinh năm 1981 ở phòng 106, nhà B1, tổ 7B, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B. Khi gặp nhau, L đặt vấn đề với Mạnh để cầm xe. Mạnh hỏi về nguồn gốc xe thì L nói xe của ông anh nhưng không có giấy tờ. Mạnh đồng ý sẽ bán xe máy giúp L với giá khoảng 4.000.000 đồng thì L đồng ý. Do không có tiền mặt nên Mạnh đi xe máy của Mạnh ra cây ATM rút tiền. H dùng vạm phá khóa cốp xe và bảo L lấy chiếc cờ lê trong cốp xe tháo biển số cất vào trong cốp xe. Sau khi rút tiền, Mạnh quay lại đưa

trước cho H 1.500.000 đồng và hẹn đến tối sẽ trả nốt số tiền còn lại. H và L đi về. Sau đó, Mạnh gặp Đỗ Văn Minh, sinh năm 1992, trú tại thôn Vĩnh An, xã Song Mai, thành phố B đang ngồi uống nước tại quán nước gần nhà Mạnh. Mạnh đặt vấn đề với anh Minh cầm cố chiếc xe với giá 4.500.000 đồng. Minh đồng ý và chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của Mạnh. Sau khi Minh chuyển tiền, Mạnh đi ra cây ATM rút 2.300.000 đồng rồi đi đến nhà L để trả tiền. Do không gặp L nên Mạnh đưa 2.300.000 đồng cho Nguyễn Đình Nhu, sinh năm 1991 là em trai L nhờ chuyển giúp. Sau đó, Nhu đã đưa lại cho L số tiền trên. H chia cho L 2.800.000 đồng còn H giữ 1.000.000 đồng. H và L đã chi tiêu hết.

Sau khi phát hiện bị mất xe, anh Nguyễn Văn Tường có đơn trình báo và giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố 02 đoạn video ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ việc H và L trộm cắp xe máy. Ngày 16/3/2022, H và L đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra thu giữ trong túi quần bên phải của H 01 văm phá khóa bằng kim loại có một đầu dẹt gồm 2 cạnh; 01 văm phá khóa bằng kim loại, một đầu có 06 cạnh; 01 tay cầm bằng kim loại hình chữ “T” để phá khóa. Ngoài ra, H tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Nokia lắp sim 0963691920; một chiếc ví da.

Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 21/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 98B2-844.04, màu sơn đỏ - đen - bạc; số máy HC12E7401812, số khung 1253FY401755, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2016 có trị giá tháng 3/2022 là 12.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra cho các bị can H và L xem hình ảnh và xem 02 đoạn video đã thu giữ. Kết quả H và L xác định có hình ảnh H điều khiển xe máy chở L rời khỏi hiện trường.

Ngày 20/3/2022, Cơ quan điều tra cho H và L thực nghiệm điều tra về các động tác H dùng văm phá ổ khóa điện xe máy; động tác L ngồi lên xe máy chở H rời khỏi hiện trường. Kết quả, H và L thực hiện thành thực về hành vi trộm cắp tài sản như các bị can đã khai.

Về thu giữ và xử lý vật chứng:

Sau khi biết chiếc xe máy là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản thì ngày 11/4/2022, Đỗ Văn Minh nhờ Đỗ Văn Phúc, sinh năm 1992 ở thôn Vĩnh An, xã Song Mai, thành phố B (là anh họ của Minh) giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe trên.

Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe mô tô BKS 98B2-844.04 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn Tân, sinh năm 1996 trú tại thôn Mai Cao, xã Song Mai, thành phố B là con trai anh Tường mượn để đi làm. Cơ quan điều tra đã trả lại anh Tân chiếc xe máy trên, số vật chứng còn lại được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Mạnh đã trả cho Minh số tiền 4.500.000 đồng. Đối với số tiền 3.800.000 đồng mà Mạnh bỏ ra để mua xe thì Mạnh không yêu cầu H và L phải trả lại. Anh Tân không yêu cầu H và L phải bồi thường thiệt hại do ổ khóa điện xe máy bị hỏng.

Đối với Triệu Đình Mạnh và Đỗ Văn Minh là người có hành vi nhận cầm cố xe cho Nguyễn Văn L nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Bản cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Các bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 năm 6 tháng tù đến 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 năm 6 tháng tù đến 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

* Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu 01 vạm phá khóa bằng kim loại có một đầu dẹt gồm 2 cạnh; 01 vạm phá khóa bằng kim loại, một đầu có 06 cạnh; 01 tay cầm bằng kim loại hình chữ “T”, một chiếc ví da để tiêu hủy. Tịch 01 chiếc điện thoại di động Nokia lắp sim 0963691920 để sung ngân sách Nhà nước.

* Án phí căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 15/3/2022, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn L sử dụng vạm phá khóa và trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 98B2-844.04 trị giá 12.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Tường để tại đường ở thôn Mai Cao, xã Song Mai, thành phố B. H và L đã bán chiếc xe máy trên được 3.800.000 đồng chi tiêu hết. Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy trả lại cho người bị hại. Như vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định trật tự về an ninh tại địa phương và dư luận quần chúng nhân dân lên án, vì thế hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4]. Đánh giá về nhân thân và mức độ phạm tội của các bị cáo thì thấy rằng: Các bị cáo là người có nhân thân xấu bị cáo H đã bị Tòa án xét xử nhiều lần về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo L đã bị Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản” đến nay các bị cáo đều chưa được xóa án, lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng không nhận thức được việc làm của mình sau khi chấp hành xong hình phạt tù lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, chứng tỏ các bị cáo là người coi thường pháp luật. Trong vụ án này bị cáo H là người chủ động khởi xướng, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội và trực tiếp thực hiện

hành vi phạm tội, nhưng trước khi phạm tội các bị cáo không có sự cấu kết bàn bạc, phân công nhiệm vụ của từng người chặt chẽ đây chỉ là đồng phạm giản đơn. Vì vậy khi lượng hình cần có một mức án là hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, mức án của bị cáo H cao hơn bị cáo L là phù hợp, để có tác dụng giáo giục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, vừa có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải và đầu thú trước cơ quan điều tra đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Về phân trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án Triệu Đình Mạnh đã trả lại cho Đỗ Văn Minh số tiền 4.500.000 đồng. Đối với số tiền 3.800.000 đồng mà Triệu Đình Mạnh đã bỏ ra để mua xe thì Mạnh không yêu cầu H và L phải trả lại. Anh Tân không yêu cầu H và L phải bồi thường thiệt hại do ổ khóa điện xe máy bị hỏng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về phần dân sự trong vụ án.

[8]. Đối với Triệu Đình Mạnh và Đỗ Văn Minh là người có hành vi nhận cầm cố chiếc xe máy của Nguyễn Văn L nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Đỗ Văn Phúc và Nguyễn Đình Nhu không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của H và L nên Cơ quan điều tra không xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là đúng nên không đề cập giải quyết trong vụ án.

[9]. Về vật chứng của vụ án gồm 01 vạm phá khóa bằng kim loại có một đầu dẹt gồm 2 cạnh; 01 vạm phá khóa bằng kim loại, một đầu có 06 cạnh; 01 tay cầm bằng kim loại hình chữ “T” các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, một chiếc ví da là tài sản của bị cáo H không yêu cầu lấy lại, không có giá trị lớn cần tịch thu để tiêu hủy. 01 chiếc điện thoại di động Nokia lắp sim 0963691920 của bị cáo H không yêu cầu lấy lại, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[10]. Về hình phạt bổ sung bằng tiền các bị cáo, không có nghề nghiệp, không có thu nhập, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[11]. Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Điều 331, Điều 333, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (Hai) năm 07 (Bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

* Vật chứng của vụ án: Tịch thu 01 vạm phá khóa bằng kim loại có một đầu dẹt gồm 2 cạnh; 01 vạm phá khóa bằng kim loại, một đầu có 06 cạnh; 01 tay cầm bằng kim loại hình chữ “T”, một chiếc ví da để tiêu hủy. Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động Nokia lắp sim 0963691920 để sung ngân sách Nhà nước.

* Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội;
- UBND phường Thọ Xương, B
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tú